

Bản án số: 30/2021/DS-ST
Ngày 10/12/2021
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Ông Đặng Văn Đề

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2021/TLST – DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-DS ngày 12/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/20201/QĐST-DS ngày 29/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng B

Địa chỉ: quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền (khởi kiện và tham gia tố tụng):

Bà Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B – Chi nhánh B1;
Địa chỉ: phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Thủy uỷ quyền lại cho bà Phạm Thị Diễm T – chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch H (Văn bản uỷ quyền ngày 29/6/2021) (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Xuân N, sinh năm 1983 và bà Trịnh Thị M, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn L1, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/01/2016 Ngân hàng B – Chi nhánh B1 – Phòng giao dịch Ch (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trần Xuân N, bà Trịnh Thị M ký kết hợp đồng tín dụng số 4/2016/8223968/HĐTD. Nội dung của hợp đồng ngân hàng cho ông N, bà M vay số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ thời gian rút vốn, thời gian kết thúc là tháng 01/2019, mỗi tháng bên vay thanh toán số tiền 9.700.000 đồng, kỳ cuối thanh toán số tiền 10.500.000 đồng. Lãi suất vay 10.5%/năm, lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần, ngày điều chỉnh là ngày 01 tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn đã được điều chỉnh.

Ngày đến hạn thanh toán cuối là 14/01/2019, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng thì vợ chồng ông N có sự vi phạm, cụ thể chỉ thanh toán được đến thời điểm tháng 11/2018 được tổng cộng 215.200.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh, sau đó không tiếp tục thanh toán. Tính đến thời điểm khởi kiện ngày 14/6/2021 phía bị đơn còn nợ tổng số tiền là 214.894.836 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo đến khi thanh toán hết nợ.

Về tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng: Hai bên đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 4/2016/8223968/HĐBĐ ngày 14/01/2016 là một xe Ô tô 8 chỗ, biển kiểm soát 72A-031.25, theo giấy chứng nhận đăng ký số 010913 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 25-12-2013 cho ông Trần Xuân N. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng B ngày 14/01/2016 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hiện hợp đồng ông Trần Xuân N, bà Trịnh Thị M đã nhận đủ tiền vay theo bảng kê rút vốn, thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận tại hợp đồng. Vì vậy ngân hàng khởi kiện yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán cho ngân hàng tiền còn nợ tính đến thời điểm xét xử ngày 09/12/2021 tổng nợ gốc, lãi còn phải trả là **225.406.210 đồng**; trong đó nợ gốc quá hạn là 134.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 75.318.852 đồng, lãi quá hạn (lãi phạt) là 15.287.358 đồng và phần lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bị đơn không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ phát mãi tài sản không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông N, bà M phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Trần Xuân N, bà Trịnh Thị M:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cho bị đơn. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn không hợp

tác, không đến tòa để giao nộp ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án giải quyết trong hạn luật định. Nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền nghĩa vụ của mình và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ giao nộp và thu thập, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng và các khoản tiền lãi theo quy định. Về án phí: buộc bị đơn phải nộp theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng B với ông Trần Xuân N, bà Trịnh Thị M, nay có phát sinh tranh chấp nên xác định quan hệ là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”;

Ngân hàng B - Chi nhánh B1 – Phòng giao dịch Ch ký kết hợp đồng tín dụng với bị đơn. Trong thời gian thực hiện hợp đồng thì Ngân hàng ban hành Quyết định số 6159/QĐ – BIDV ngày 09/10/2018 về việc thay đổi chuyển giao hợp đồng trên cho Chi nhánh B1 – Phòng giao dịch Ch quản lý. Như vậy tranh chấp này phát sinh từ hoạt động của Chi nhánh và cũng là nơi thực hiện hợp đồng trên nên căn cứ các Điều 30, 35, 39 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Bị đơn ông N, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Ngày 14/01/2016 Ngân hàng B – Chi nhánh B1 – Phòng giao dịch Ch, sau này là Chi nhánh B1 (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trần Xuân N, bà Trịnh Thị M ký hợp đồng tín dụng số 4/2016/8223968/HĐTD. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: không thanh toán số tiền nợ gốc là 134.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 75.318.852 đồng, lãi quá hạn (lãi phạt) là 15.287.358 đồng tính đến ngày 09/12/2021 là **225.406.210 đồng** cho nguyên đơn theo như hợp đồng đã

ký kết. Nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng được ký kết và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm số 4/2016/8223968/HĐBĐ ngày 14/01/2016, tài sản là một xe ô tô 8 chỗ, biển kiểm soát 72A-031.25, theo giấy chứng nhận đăng ký số 010913 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 25-12-2013 cho ông Trần Xuân N được công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Thông qua các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản thì thấy các hợp đồng trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định về hình thức và nội dung.

[2.2] Thực hiện hợp đồng tín dụng ông N, bà M đã nhận đủ số tiền vay là 350.000.000 đồng (BL 101). Theo lời khai và các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì bị đơn thực hiện tốt nghĩa vụ cam kết, thanh toán đến tháng 11/2018 được tổng cộng 215.200.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh thì sau đó không tiếp tục thanh toán nữa, mặc dù phía ngân hàng liên tục nhắc nhở, thông báo trả nợ. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bên vay phải thanh toán nợ gốc mỗi tháng 9.700.000 đồng, kỳ cuối cùng (tháng 1/2019) phải thanh toán số tiền còn lại là 10.500.000 đồng. Như vậy bị đơn đã thanh toán được tiền nợ gốc và lãi đến tháng 11/2018, còn nợ lại tiền gốc là 134.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận, nay phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn là có cơ sở.

[2.3] Xét việc yêu cầu tính lãi suất thì thấy: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng xác định bị đơn còn nợ tiền gốc 134.800.000 đồng. Tính đến ngày 09/12/2021 tổng tiền lãi gộp còn nợ là 90.606.210 đồng (lãi trong hạn 75.318.852 đồng, lãi quá hạn 15.287.358 đồng), theo thỏa thuận thì tiền lãi suất trong hạn được tính theo lãi suất 10.5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% của lãi trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo nghĩa vụ thanh toán tiền lãi của bị đơn thì thấy: Đến thời điểm tháng 11/2018 bị đơn thực hiện đúng lịch trả lãi, nhưng từ thời điểm tháng 12/2018 thì không trả tiền lãi phát sinh là vi phạm điểm b Điều 5 của hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại tính đến thời điểm xét xử (09/12/2021) là 90.606.210 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở.

Theo hợp đồng thế chấp thì thấy: Chiếc xe ô tô biển số 72A-031.25 đứng tên ông Trần Xuân N quản lý sở hữu (Giấy đăng ký xe ngân hàng đang giữ). Trường hợp bị đơn không trả nợ được thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2.4] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cần buộc ông N, bà M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 09/12/2021 là 225.406.210 đồng. Trường hợp không thanh toán được nợ thì phía nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán cho khoản nợ vay.

[2.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn, thông báo về việc giao nộp ý kiến, giao nộp chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[3] Về chi phí tố tụng: Không có.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án là $225.406.210 \text{ đồng} \times 5\% = 11.270.000\text{đ}$ (làm tròn).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 40; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Trần Xuân N, bà Trịnh Thị M.

Buộc ông Trần Xuân N, bà Trịnh Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng B – Chi nhánh B1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 09/12/2021 là **225.406.210 đồng** (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm linh sáu nghìn hai trăm mười đồng*); trong đó tiền nợ gốc là 134.800.000 đồng, lãi trong hạn là 75.318.852 đồng, lãi quá hạn là 15.287.358 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 4/2016/8223968/HĐTD ngày 14/01/2016 và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 10/12/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp trong hợp đồng ký kết, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Xuân N, bà Trịnh Thị M không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ trên thì Ngân hàng B – Chi nhánh B1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 4/2016/8223968/HĐBĐ ngày 14/01/2016 là xe ô tô 8 chỗ, biển kiểm soát 72A-031.25, theo giấy chứng nhận đăng ký số 010913 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 25-12-2013 cho

ông Trần Xuân N.

2. Về án phí: Ông Trần Xuân N, bà Trịnh Thị M phải nộp 11.270.000 đồng (làm tròn) (*Mười một triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.372.000 đồng (*Năm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003776 ngày 23/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh